

Võ Thị Nhật Minh

Trưởng phòng, Phân tích chiến lược TT
minh.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 365

Kết quả review giỏ chỉ số VN30 nửa đầu năm 2025

- Vào ngày 20/1/2025, HSX công bố kết quả review bán niên chỉ số VN30 nửa đầu năm 2025, thay đổi sẽ có hiệu lực từ ngày 3/2/2025.
- Cổ phiếu LPB được thêm vào giỏ chỉ số trong khi POW bị loại ra khỏi giỏ chỉ số VN30. Kết quả này sát với dự báo của HSC.
- Trong đợt tái cơ cấu danh mục này (thời hạn hoàn tất tái cơ cấu danh mục là ngày 24/1/2025), các quỹ DCFVN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, MAFM VN30 ETF, và KIM Growth VN30 ETF sẽ cần phải mua vào khoảng 18,2 triệu cổ phiếu LPB và bán ra 3,5 triệu cổ phiếu POW và sẽ mua bán một số lượng cần thiết những cổ phiếu hiện tại trong giỏ chỉ số để tái cơ cấu danh mục.

LPB được thêm vào giỏ chỉ số VN30

LPB có vốn hóa lớn 66,5 nghìn tỷ đồng, cũng như tỷ suất quay vòng chứng khoán 0,38% và tỷ lệ free float 90%. Ngoài ra, khối lượng giao dịch khớp lệnh của LPB trên 100.000 cổ phiếu/ngày, trong khi giá trị giao dịch khớp lệnh trên 10 tỷ đồng/ngày. Do đó, cổ phiếu này đáp ứng tất cả các tiêu chí chính của chỉ số VN30. Tỷ trọng mới của LPB trong giỏ chỉ số VN30 sẽ ở mức 6,4%, lọt vào nhóm 5 cổ phiếu có tỷ trọng lớn nhất.

POW bị loại ra khỏi giỏ chỉ số VN30

POW hiện có vốn hóa thấp nhất trong giỏ chỉ số VN30 (với 29 nghìn tỷ đồng), do đó khi LPB được thêm vào giỏ chỉ số, POW có thể sẽ bị loại ra khỏi giỏ chỉ số để đảm bảo số lượng 30 cổ phiếu trong danh mục. Tỷ trọng hiện tại của POW khoảng 0,4%.

Nhóm 5 cổ phiếu dự phòng bao gồm DGC, EIB, PNJ, KDH và MSB

Cổ phiếu dự phòng có thể được thêm vào danh mục VN30 nếu bất kỳ cổ phiếu hiện có nào trong giỏ bị kiểm soát, bị đình chỉ giao dịch hoặc có tỷ lệ free float dưới 10% và vốn hóa free float dưới 2.000 tỷ đồng.

Những cổ phiếu sẽ được mua/bán để tái cơ cấu danh mục

Để tái cơ cấu danh mục, 4 quỹ ETF này cần phải mua vào khoảng 18 triệu cổ phiếu LPB và bán ra tất cả 3,5 triệu cổ phiếu POW. Ngoài ra, hầu hết các cổ phiếu trong giỏ chỉ số VN30 (23 cổ phiếu) có thể bị bán ra, trong khi VIB, MSN và HDB được mua vào.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 22/1.

Bảng 1: Công bố kết quả review bán niên chỉ số VN30

VN30 semi-annual review results	
Cổ phiếu được thêm vào	LPB
Cổ phiếu bị loại ra	POW
5 cổ phiếu dự phòng	DGC, EIB, PNJ, KDH, MSB
Ngày tái cơ cấu của ETF	24-1-2025
Ngày có hiệu lực	3-2-2025

Nguồn: HSX, HSC

Bảng 2: Các tiêu chí của chỉ số VN30

Tiêu chí	Cổ phiếu mới(được thêm vào)	Cổ phiếu hiện hành (bị loại ra)
Tình trạng	Không trong diện bị cảnh báo	Không trong diện bị cảnh báo
Thời gian niêm yết	6 tháng niêm yết trên HSX	
	3 tháng niêm yết trên HSX đối với top 5 cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất	
Free float	$\geq 10\%$	$\geq 10\%$
	$< 10\%$ & vốn hóa_free float > 2.500 tỷ đồng	$< 10\%$ & vốn hóa_free float $> \text{VND}2,000$ tỷ đồng
Tỷ suất quay vòng	$\geq 0.05\%$	$\geq 0.04\%$
Giá trị giao dịch khớp lệnh	≥ 10 tỷ đồng	≥ 9 tỷ đồng
Vốn hóa	Ưu tiên vốn hóa lớn	Ưu tiên vốn hóa lớn
Kỳ tái cơ cấu	Nửa năm (tháng 2, tháng 7)	

Nguồn: HSX, HSC

Kết quả review chỉ số VN30 – tháng 1/2025

HSX công bố kết quả review bán niên chỉ số VN30 nửa đầu năm 2025 (tháng 1/2025), với LPB được thêm vào và POW bị loại ra. Kết quả này sát với dự báo của HSC. Ngày có hiệu lực sẽ là ngày 3/2/2025.

LPB được thêm vào, POW bị loại ra

LPB được thêm vào giỏ chỉ số do cổ phiếu này đáp ứng đủ tất cả các tiêu chí của VN30 và nằm trong top 20 cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất (66,5 nghìn tỷ đồng) Tỷ lệ free float của LPB là 90%, giá trị khớp lệnh bình quân ở mức khoảng 81 tỷ đồng/ngày và khối lượng khớp lệnh giao dịch bình quân khoảng 3,4 triệu cổ phiếu/ngày. Do đó, LPB được ưu tiên thêm vào giỏ chỉ số VN30.

Mặt khác, vốn hóa thị trường của POW rơi vào khoảng 29 nghìn tỷ đồng trong đợt review này, mức vốn hóa thấp nhất trong giỏ chỉ số VN30. Nên cổ phiếu này bị loại ra khỏi giỏ chỉ số. Tỷ trọng hiện tại của POW trong giỏ chỉ số VN30 rơi vào khoảng 0,4% trong khi HSC dự báo LPB sẽ được thêm vào giỏ chỉ số VN30 với tỷ trọng 6,4%.

Năm cổ phiếu có tỷ trọng lớn nhất trong giỏ chỉ số sẽ là FPT (10%), TCB (7,9%), ACB (7,1%), HPG (6,6%) và LPB (6,4%), đóng góp 38% tổng tỷ trọng. Ngành ngân hàng, bao gồm 14 ngân hàng – Techcombank (TCB), VPBank (VPB), MB Bank (MBB), Vietcombank (VCB), Sacombank (STB), HDBank (HDB), Vietin Bank (CTG), Tien Phong Bank (TPB), BIDV Bank (BID), VIB Bank (VIB), Ngân hàng Á Châu (ACB), VPBank (VPB), LPBank (LPB), Saigon Hanoi Bank (SHB), và SeABank (SSB) – đóng góp khoảng 59,9% tỷ trọng trong giỏ chỉ số VN30.

Chúng tôi dự báo 5 cổ phiếu dự phòng trong đợt review này sẽ là DGC, EIB, PNJ, KDH và MSB, với vốn hóa thị trường lần lượt là 43,1 nghìn tỷ đồng, 33,1 nghìn tỷ đồng, 31,9 nghìn tỷ đồng, 30,5 nghìn tỷ đồng và 29,5 nghìn tỷ đồng.

Khối lượng mua bán dự kiến từ các quỹ DCVFMVN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, MAFM VN30 ETF và KIM Growth VN30 ETF

Hiện tại, các quỹ DCVFMVN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, MAFM VN30 ETF và KIM Growth VN30 ETF đang sử dụng chỉ số VN30 làm cơ sở. Sự thay đổi về tỷ trọng của các cổ phiếu trong danh mục của giỏ chỉ số VN30 sẽ tác động lớn đến hoạt động giao dịch của 4 quỹ ETF này.

Việc tái cơ cấu danh mục của các quỹ ETF này sẽ diễn ra từ ngày hôm nay đến ngày 24/1/2025. Hiện tại, tổng giá trị tài sản quản lý của các quỹ DCVFMVN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, MAFM VN30 ETF và KIM Growth VN30 ETF lần lượt là 257 triệu USD, 6,7 triệu USD, 29,6 triệu USD và 69,5 triệu USD.

Để tái cơ cấu danh mục, các quỹ ETF này cần phải mua vào khoảng 18 triệu cổ phiếu LPB và bán ra tất cả 3,5 triệu cổ phiếu POW. Bên cạnh đó, các quỹ ETF này sẽ mua vào một số lượng nhất định cổ phiếu khác trong giỏ chỉ số bao gồm VIB (2,5 triệu cổ phiếu), MSN (0,7 triệu cổ phiếu) và HDB (0,6 triệu cổ phiếu), trong khi sẽ bán ra hầu hết các cổ phiếu khác bao gồm VHM (3,5 triệu cổ phiếu), VPB (1,6 triệu cổ phiếu) và ACB (1,2 triệu cổ phiếu).

Lưu ý, biến động giá cổ phiếu và số lượng chứng chỉ quỹ từ nay đến khi kết thúc đợt tái cơ cấu danh mục có thể làm thay đổi tỷ trọng cũng như khối lượng mua bán dự kiến của từng cổ phiếu.

Đợt review chỉ số bán niên tiếp theo sẽ diễn ra vào tháng 7/2025.

Bảng 3: Danh sách cổ phiếu thành phần thuộc giỏ chỉ số VN30 Index

LPB được thêm vào, POW bị loại ra

Mã CK	Doanh nghiệp	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Tỷ lệ Free float	Tỷ lệ giới hạn vốn hóa (%)
ACB	Asia Commercial Bank	4,466,657,912	90%	100.0%
BCM	Becamex IDC Corp.	1,035,000,000	4%	100.0%
BID	BIDV	6,897,515,268	4%	100.0%
BVH	Bao Viet Group	742,322,764	11%	100.0%
CTG	VietinBank	5,369,991,748	15%	100.0%
FPT	FPT Corp	1,471,069,183	85%	75.7%
GAS	PetroVietnam Gas	2,342,672,919	5%	100.0%
GVR	Viet Nam Rubber Group	4,000,000,000	4%	100.0%
HDB	HDBank	3,495,060,732	75%	100.0%
HPG	Hoa Phat Group	6,396,250,200	55%	100.0%
LPB	LPBank	2,987,295,973	95%	100.0%
MBB	MBBank	6,102,272,659	55%	100.0%
MSN	Masan Group	1,438,351,617	55%	100.0%
MWG	Mobile World Investment	1,461,484,209	80%	100.0%
PLX	Petrolimex	1,270,592,235	9%	100.0%
SAB	SABECO	1,282,562,372	11%	100.0%
SHB	SH Bank	3,662,412,356	85%	100.0%
SSB	SeABank	2,835,000,000	70%	100.0%
SSI	SSI Securities	1,961,872,450	70%	100.0%
STB	Sacombank	1,885,215,716	100%	100.0%
TCB	Techcombank	7,045,021,622	65%	100.0%
TPB	TPBank	2,641,956,196	50%	100.0%
VCB	Vietcombank	5,589,091,262	11%	100.0%
VHM	Vinhomes	4,107,412,004	25%	100.0%
VIB	VIBBank	2,979,127,815	65%	100.0%
VIC	VinGroup	3,823,661,561	30%	100.0%
VJC	Vietjet Air	541,611,334	55%	100.0%
VNM	Vinamilk	2,089,955,445	40%	100.0%
VPB	VPBank	7,933,923,601	55%	100.0%
VRE	Vincom Retail	2,272,318,410	40%	100.0%

Nguồn: HSX, HSC

Bảng 4: Ước tính số lượng cổ phiếu mua vào/bán ra của các quỹ DCVFMVN30, SSIAM VN30, MAFM VN30 và KIM Growth VN30 ETFs

Mã CK	Tỷ trọng mới (%)	+/- cổ phiếu của quỹ DCVFMVN30 ETF	+/- cổ phiếu của quỹ SSIAM ETF	+/- cổ phiếu của quỹ MAFM VN30 ETF	+/- cổ phiếu của quỹ KIM Growth VN30 ETF	Ước tính số lượng cổ phiếu mua vào/bán ra từ 4 quỹ ETFs	Tác động
LPB	6.4%	12,927,545	338,516	1,485,619	3,490,942	18,242,622	4.14
VIB	2.8%	1,907,057	45,747	167,659	419,900	2,540,362	0.16
MSN	3.7%	460,421	22,345	75,487	164,119	722,371	0.11
HDB	4.3%	220,030	(6,691)	(10,075)	399,338	602,601	0.05
SSB	2.5%	104,120	10,214	11,965	66,725	193,024	0.03
SAB	0.5%	83,723	6,552	(21,812)	(25,563)	42,901	0.07
BVH	0.3%	100,807	(588)	253	(95,925)	4,548	0.01
GAS	0.6%	(27,124)	3,769	17,633	(53,518)	(59,239)	(0.11)
GVR	0.3%	(100,600)	8,519	(19,289)	(2,952)	(114,321)	(0.05)
VJC	2.1%	(56,136)	4,669	(31,146)	(34,502)	(117,116)	(0.09)
PLX	0.3%	(44,165)	3,494	(32,906)	(59,884)	(133,461)	(0.18)
VNM	3.7%	(151,928)	(3,162)	(40,154)	29,142	(166,101)	(0.07)
BID	0.8%	(146,054)	2,087	(3,813)	(56,858)	(204,638)	(0.09)
CTG	2.1%	(228,954)	3,490	5,404	3,383	(216,677)	(0.04)
BCM	0.2%	(90,737)	(5,302)	(21,127)	(150,217)	(267,383)	(0.96)
VIC	3.3%	(141,453)	2,968	(21,746)	(188,713)	(348,944)	(0.08)
SSI	2.4%	(204,245)	(11,537)	(35,543)	(104,793)	(356,118)	(0.03)
VCB	4.0%	(342,643)	1,316	(8,737)	(52,740)	(402,805)	(0.26)
STB	4.8%	(324,782)	(1,944)	(41,437)	(44,209)	(412,372)	(0.03)
VRE	1.1%	(355,489)	(5,249)	(14,128)	(75,064)	(449,930)	(0.07)
TPB	1.5%	(337,913)	(6,794)	(29,816)	(133,625)	(508,148)	(0.05)
MWG	4.8%	(358,146)	(4,690)	(56,588)	(169,230)	(588,654)	(0.08)
FPT	10.0%	(383,388)	(10,713)	(56,874)	(203,139)	(654,115)	(0.13)
MBB	5.2%	(759,033)	(11,394)	(104,146)	216,454	(658,120)	(0.06)
TCB	7.9%	(682,851)	(19,952)	(87,563)	(34,868)	(825,234)	(0.06)
SHB	2.2%	(705,229)	(10,208)	(110,039)	(156,373)	(981,849)	(0.07)
HPG	6.6%	(831,606)	(12,859)	(143,088)	(47,216)	(1,034,769)	(0.06)
ACB	7.1%	(1,066,413)	(15,121)	(143,253)	(23,892)	(1,248,680)	(0.15)
VPB	5.7%	(1,311,893)	(25,197)	(126,652)	(231,513)	(1,695,255)	(0.10)
POW	0.0%	(2,329,475)	(50,832)	(318,691)	(614,072)	(3,313,070)	(0.61)
VHM	2.9%	(2,673,008)	(62,834)	(257,272)	(535,049)	(3,528,163)	(0.30)
Tổng	100%						

Nguồn: HSC ước tính

Bảng 5: Các cổ phiếu trên TTCK Việt Nam được đề cập đến trong báo cáo này

Mã CK	Ngành*	Thị giá (đồng)	Vốn hóa (triệu USD)	Khuyến nghị	Giá mục tiêu (đồng)
ACB	Ngân hàng	25,000	4,410	Buy	34,700
BID	Ngân hàng	39,900	7,668	Buy	45,207
BVH	Bảo hiểm	52,200	1,530	Add	58,200
CTG	Ngân hàng	37,300	7,910	Buy	45,300
FPT	Công nghệ thông tin	150,000	8,714	Add	160,800
GAS	Năng lượng - Dầu khí	67,700	6,263	Buy	85,000
HDB	Ngân hàng	23,000	3,191	Buy	27,083
HPG	Vật liệu – Kim loại công nghiệp	26,450	6,681	Buy	36,800
LPB	Ngân hàng	31,650	3,734	Sell	17,637
MBB	Ngân hàng	21,850	5,265	Buy	28,348
MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu - TP&ĐU, Thuốc lá	65,500	3,720	Buy	97,200
MWG	Tiêu dùng – Bán lẻ	57,500	3,321	Buy	75,800
PLX	DVTI - Khí	39,850	2,036	Add	45,300
SAB	Hàng tiêu dùng thiết yếu - TP&ĐU, Thuốc lá	54,100	2,740	Buy	68,200
SSI	Dịch vụ tài chính	24,500	1,898	Buy	29,500
STB	Ngân hàng	35,950	2,676	Buy	41,000
TCB	Ngân hàng	24,400	6,788	Buy	31,100
TPB	Ngân hàng	16,400	1,711	Add	19,000
VCB	Ngân hàng	91,700	20,240	Buy	112,900
VHM	Phát triển BĐS	40,000	6,488	Add	44,600
VIB	Ngân hàng	20,100	2,365	Add	22,100
VIC	Đa ngành	40,400	6,007	Hold	42,600
VJC	Vận tải	98,800	2,113	Hold	105,000
VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu - TP&ĐU, Thuốc lá	61,900	5,109	Add	77,100
VPB	Ngân hàng	18,400	5,765	Buy	23,000
VRE	Phát triển BĐS	16,600	1,490	Add	21,800
POW	Dịch vụ tiện ích – điện	11,600	1,073	Add	13,500

Ghi chú: * Theo định nghĩa của HSC
Nguồn: HSC

Bảng 6: Thay đổi giá cổ phiếu thuộc giỏ VN30 (%)

Mã CK	Giá (đồng)	Thay đổi giá trong 3 tháng	% thay đổi giá trong vòng 52 tuần	Giá cao nhất trong 52 tuần (đồng)	Giá thấp nhất trong 52 tuần (đồng)
GVR	28,400	-19.20%	37.61%	38,146	20,708
MSN	65,700	-18.53%	-3.25%	81,100	63,700
MWG	57,700	-12.48%	25.59%	70,000	43,652
VHM	40,000	-11.60%	-6.98%	48,250	34,500
VRE	16,600	-11.47%	-30.54%	27,800	16,100
VPB	18,400	-10.46%	-2.13%	20,900	17,186
SSI	24,450	-10.42%	-7.56%	30,564	23,109
TPB	16,200	-7.87%	8.46%	17,900	13,459
VNM	61,800	-7.44%	-4.26%	72,874	60,888
VJC	98,800	-7.23%	-6.44%	118,800	98,500
POW	11,400	-7.20%	0.43%	15,300	10,450
SHB	10,200	-5.99%	-12.35%	11,829	10,100
PLX	39,850	-5.90%	19.16%	50,600	33,203
GAS	67,100	-5.58%	-2.50%	77,350	66,400
ACB	24,950	-4.21%	13.16%	26,250	21,630
BID	39,800	-4.01%	-3.05%	44,956	35,742
VIC	40,450	-3.35%	-6.70%	48,500	40,000
MBB	21,850	-2.42%	16.20%	22,523	18,505
SAB	53,600	-2.35%	-4.84%	63,387	49,011
HPG	26,300	-1.86%	2.81%	29,600	24,850
VCB	91,400	-0.76%	-0.33%	97,400	85,200
TCB	24,200	-0.20%	43.98%	24,900	16,559
STB	36,050	1.13%	18.84%	37,850	26,800
HDB	22,650	2.23%	35.55%	26,650	16,808
CTG	37,300	2.90%	14.24%	38,900	30,150
VIB	20,100	3.08%	14.76%	20,420	16,809
BCM	68,700	3.93%	14.63%	72,600	49,743
SSB	18,450	7.78%	-12.05%	20,907	15,050
FPT	149,900	10.25%	81.43%	152,500	81,476
BVH	52,000	21.42%	29.67%	53,600	37,618

Nguồn: FiinPro, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn